

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Toán – Tin – Công nghệ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023 MÔN: TOÁN KHỐI: 9

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Biểu thức A phải thoả mãn điều kiện gì để $\sqrt{A}$ xác định? Chứng minh

$$\sqrt{a^2} = |a| \text{ với mọi số thực } a$$

Câu 2: Phát biểu và chứng minh định lý về mối liên hệ giữa phép nhân, phép chia và phép khai phương.

Câu 3: Nêu các phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.

Câu 4: Định nghĩa căn bậc ba. Các phép biến đổi căn bậc ba.

Câu 5: Định nghĩa hàm số bậc nhất, tính chất của hàm số bậc nhất, đồ thị của hàm số bậc nhất.

Câu 6: Cho đường thẳng $y = ax + b$ (d) ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ (d') ($a' \neq 0$). Tìm mối liên hệ giữa các hệ số để d và d' : cắt nhau, song song, trùng nhau.

Câu 7: Phát biểu và nêu các công thức về hệ thức lượng trong tam giác vuông

Câu 8: Nêu các công thức về tỉ số lượng giác, các định lý về mối quan hệ giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.

Câu 9: Phát biểu các định lý về đường kính và dây, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.

Câu 10: Phát biểu định nghĩa tiếp tuyến, tính chất tiếp tuyến và dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. Phát biểu tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.

Câu 11: a) Nêu các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn (ứng với mỗi vị trí đó, viết hệ thức giữa d và R)

b) Nêu các vị trí tương đối của hai đường tròn (ứng với mỗi vị trí đó, viết hệ thức giữa đoạn nối tâm d và R, r)

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

PHẦN ĐẠI SỐ

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $\sqrt{5\sqrt{3} + 5\sqrt{48 - 10\sqrt{7} + 4\sqrt{3}}}$

b) $5\sqrt{32} - 3\sqrt{50} + \sqrt{200} + 7\sqrt{11 - 6\sqrt{2}}$

c) $\frac{8}{\sqrt{11} + \sqrt{3}} + \frac{1}{2 - \sqrt{3}} - \frac{11 + \sqrt{11}}{\sqrt{11} + 1}$

d) $\frac{3 + 2\sqrt{3}}{\sqrt{3}} + \frac{2 + \sqrt{2}}{\sqrt{2} + 1} - (2 + \sqrt{3})$;

e) $\left(\frac{\sqrt{14} - \sqrt{7}}{1 - \sqrt{2}} + \frac{\sqrt{15} - \sqrt{5}}{1 - \sqrt{3}} \right) : \frac{1}{\sqrt{7} - \sqrt{5}}$.

f) $\left(\frac{15}{\sqrt{6} + 1} + \frac{4}{\sqrt{6} - 2} - \frac{12}{3 - \sqrt{6}} \right) (\sqrt{6} + 11)$;

Bài 2: Cho hai biểu thức: $A = \left(\frac{1}{\sqrt{x}} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} \right)$; $B = \frac{\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}}$ với $x > 0$.

- Tính giá trị của biểu thức B khi $x = 81$
- Rút gọn biểu thức $P = \frac{A}{B}$. Tìm x để $P = -1$;
- Tìm x để $P = -1$;
- Tìm x để: $P > \sqrt{x} + 2$;
- So sánh: P với 1;
- Tìm giá trị nhỏ nhất của P .

Bài 3: Cho hai biểu thức $A = \frac{7}{\sqrt{x}+8}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} + \frac{2\sqrt{x}-24}{x-9}$ với $x > 0$ và $x \neq 4$

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 25$

2) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}+8}{\sqrt{x}+3}$

3) Tìm x để biểu thức $P = A.B$ có giá trị là một số nguyên.

Bài 4: Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-5}$ và $B = \frac{3}{\sqrt{x}+5} + \frac{20-2\sqrt{x}}{x-25}$, với $x \geq 0$, $x \neq 25$

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$

2) Chứng minh $B = \frac{1}{\sqrt{x}-5}$

3) Tìm tất cả các giá trị của x để $A = B \cdot |x-4|$.

Bài 5: Cho biểu thức $P = \left(\sqrt{x} - \frac{1}{\sqrt{x}} \right) : \left(\frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}} + \frac{1-\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}} \right)$.

- Rút gọn P ;
- Tính giá trị của P biết $x = \frac{1}{4}$;
- Tìm x thỏa mãn: $P\sqrt{x} = 6\sqrt{x} - 3 - \sqrt{x-4}$.

Bài 6: Cho $P = \left(\frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} - \frac{3x+3}{x-9} \right) : \left(\frac{2\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}-3} - 1 \right)$

- Rút gọn P
- Tính P biết $x = 4 - 2\sqrt{3}$
- CMR $P < 0$
- Tìm GTNN của P

Bài 7: Cho 2 hàm số $y = 2x - 2$ (d_1) $y = -x + 4$ (d_2)

- Vẽ đồ thị (d_1); (d_2)
- Gọi A là giao điểm của (d_1); (d_2). Tìm tọa độ của điểm A
- Tính góc tạo bởi (d_1); (d_2) với trục Ox

d) Tính chu vi và diện tích tam giác giới hạn bởi (d_1) ; (d_2) và trục Ox

Bài 8: Xác định hàm số $y = ax + b$ biết đồ thị hàm số :

a) Cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng - 2 và cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng $\frac{2}{5}$

b) Đi qua điểm A $(\sqrt{2}; \sqrt{2} + 3)$ và có hệ số góc bằng $\sqrt{2}$

c) Đi qua điểm B $(1; 2 - \sqrt{3})$ và song song với đồ thị hàm số $y = \sqrt{3}x$

d) Đi qua điểm C $(0; 3)$; D $(-1; 1)$

Bài 9: Cho hai hàm số bậc nhất : $y = (m - 1)x + (n - 1)$ (d_1)

và $y = (3 - 2m)x + (5 - n)$ (d_2)

Tìm m và n để :

a) (d_1) đồng biến và (d_2) nghịch biến. b) (d_1) song song với (d_2)

c) (d_1) cắt (d_2) d) (d_1) trùng (d_2) e) (d_1) vuông góc với (d_2)

Bài 10: Cho 3 hàm số : $y = (2m + 1)x - 2$ (d_1) ; $y = 3x - 1$ (d_2) ; $y = -x + 3$ (d_3)

a) Chứng minh rằng (d_1) luôn đi qua một điểm cố định

b) Tìm m để (d_1); (d_2); (d_3) đồng quy

c) Khi $m \neq -\frac{1}{2}$, Tìm m để khoảng cách từ gốc tọa độ O đến đường thẳng (d_1) bằng $\sqrt{2}$

PHẦN HÌNH HỌC

Bài 1: Cho nửa (O) đường kính AB = 2R. Vẽ các tiếp tuyến Ax và By với nửa đường tròn. Từ 1 điểm M trên nửa đường tròn .Kẻ tiếp tuyến thứ 3 cắt Ax và By theo thứ tự tại C và D.

a) Chứng minh (C/m) $AC + BD = CD$ và $\widehat{COD} = 90^\circ$

b) Gọi giao điểm của MA với OC là I; MB với OD là K.

C/m: $MO = IK$ và $IK \parallel AB$

c) C/m: $AC \cdot BD = R^2$ và $OI \cdot OC = OK \cdot OD$

d) C/m: AB là tiếp tuyến của đường tròn đường kính CD

e) C/m: $OI \cdot IC + OK \cdot KD = R^2$

f) Gọi S là giao điểm của AD và BC, MS cắt AB tại Q.

C/m: $MS = SQ$ và $MS \perp AB$

Bài 2: Cho tam giác ABC có góc A = 90° . Đường cao AH. Vẽ đường tròn (A; AH). Gọi HD là đường kính của đường tròn đó. Tiếp tuyến của đường tròn tại D cắt CA tại E.

a) C/m: tam giác BEC cân

b) Gọi I là hình chiếu của A trên BE. C/m rằng $AI = AH$.

c) C/m: BE là tiếp tuyến của đường tròn tâm A

d) C/m: $BE = BH + DE$.

Bài 3: Cho đường tròn tâm O, điểm M nằm ngoài đường tròn , kẻ tiếp tuyến MA, MB (A, B là tiếp điểm)

a) Chứng minh $MO \perp AB$ (tại I)

- b) Kẻ đường cao AD, BE của tam giác MAB chúng cắt nhau tại H. Chứng minh: M, H, O thẳng hàng.
 c) Tứ giác AHBO là hình gì? Chứng minh.
 d) C/m : Tam giác BAH đồng dạng với tam giác BEI

Bài 4 : Hai đường tròn $(O; R)$ và $(O'; r)$ tiếp xúc ngoài tại điểm A ($R > r$). Gọi BC là tiếp tuyến chung ngoài ($B \in (O)$; $C \in (O')$). M là trung điểm của OO' , H là hình chiếu của M trên BC.

- a) Tính góc $OH O'$
 b) Chứng minh OH là tia phân giác của góc AOB
 c) Chứng minh AH là tiếp tuyến chung của hai đường tròn (O) và (O')
 d) Cho $R = 4 \text{ cm}$; $r = 1 \text{ cm}$. Tính các độ dài BC; AM

Bài 5: Bài 42/sgk-trang 128



Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

A blue ink signature, likely of the teacher TTCM.

Phạm Thị Hải Yến

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN- CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: Công nghệ. KHỐI: 9

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1 : Hãy vẽ sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt của mạch điện bảng điện gồm 2 cầu chì, 1 ổ cắm, 1 công tắc hai cực điều khiển 1 bóng đèn 220V - 100W, nguồn điện 220V

Câu 2: Hãy vẽ sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt của mạch điện đèn ống huỳnh quang.

Câu 3: Nêu quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện. Có thể bỏ qua công đoạn vạch dấu trong quy trình đó được không? Tại sao?

Câu 4: Nêu quy trình vẽ sơ đồ mạch điện bảng điện, mạch điện đèn ống huỳnh quang

Câu 5: Em hãy nêu tên gọi và công dụng của các loại dụng cụ cơ khí.

Câu 6: Nêu công dụng của công tơ điện, phân loại, cách đấu dây công tơ và ý nghĩa các số liệu trên mặt công tơ điện một pha?

Câu 7: Em hãy nêu quy trình chung để nối dây dẫn điện?

Câu 8 : Em hãy nêu cấu tạo và phân loại của bảng điện

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1: Trên bảng điện thường lắp những thiết bị nào?

- | | |
|------------------------------------|--|
| A. Thiết bị đóng cắt | B. Thiết bị bảo vệ |
| C. Thiết bị lấy điện của mạng điện | D. Thiết bị đóng cắt, bảo vệ và lấy điện |

Câu 2: Mạng điện trong nhà có những loại bảng điện nào?

- | | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|
| A. Bảng điện chính | B. Bảng điện nhánh |
| C. Bảng điện chính, bảng điện nhánh | D. Bảng điện chính, bảng điện phụ |

Câu 3: Trên bảng điện có những phần tử nào?

- | | |
|------------|----------|
| A. Cầu chì | B. Ổ cắm |
|------------|----------|

C. Công tắc

D. Cầu chì, công tắc, ổ cắm

Câu 4: Hãy cho biết “Xác định vị trí bảng điện, bóng đèn” thuộc bước thứ mấy trong quy trình vẽ sơ đồ lắp đặt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 5: Bước “Vạch dấu” thuộc bước thứ mấy trong quy trình lắp đặt mạch bảng điện?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6 : Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

A. 10 Kwh

B. 100Kwh

C. 10wh

D. 100Wh

Câu 7: Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 2000 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

A. 50 Kwh

B. 500Kwh

C. 400 Kwh

D. 500Wh

Câu 8: Phần tử nào dưới đây không được lắp trên bảng điện:

A. Aptômát

B. Hộp số quạt

C. Ổ điện

D. Bóng đèn

Câu 9: Cầu chì, được lắp trên :

A. Dây pha trước công tắc

B. Dây trung hòa trước công tắc

C. Dây pha sau công tắc

D. Dây trung hòa sau công tắc

Câu 10: Vôn kế dùng để đo đại lượng điện nào?

A. Cường độ dòng điện

B. Hiệu điện thế

C. Vôn

D. Điện trở

Câu 11: Đơn vị đo cường độ dòng điện là:

A. Vôn

B. Ampe kế

C. Ampe

D. Oat

Câu 12 : Trên mặt công tơ điện có ghi 400 vòng/Kwh có nghĩa là gì ?

A. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 1wh

B. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 1Kwh

C. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 10Kwh

D. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 10Wh

Câu 13 : Oát kế dùng để đo đại lượng điện nào?

- A. Cường độ dòng điện B. Hiệu điện thế
C. Công suất D. Điện trở

Câu 14: Đơn vị đo của công tơ điện là điện là:

- A. W B. Kwh C. Wh D. V

Câu 15: Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của thiết bị nào

- A. Vôn kế. B. Ampe kế
C. Ôm kế. D. Ôm kế, vôn kế, ampe kế

Câu 16 :Bước “Kiểm tra mối nối” thuộc bước thứ mấy trong quy trình nối dây dẫn điện?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 17 : Đây là tên của đồng hồ đo điện ?

- A. Thước. B. Panme.
C. Đồng hồ vạn năng. D. Búa.

Câu 18: Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt , chúng ta cần làm gì ?

- A. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện B. Lựa chọn dụng cụ
C. Lập bảng dự trù D. Tính toán dây dẫn

Câu 19: Dụng cụ nào dùng để khoan lỗ trên gỗ, bê tông ?

- A. Tua vít B. Khoan
C. Kéo D. Kìm

Câu 20: Để tháo và lắp các vít có đầu kẻ rãnh người ta dùng ?

- A. Tua vít B. Khoan
C. Kéo D. Kìm



BGH kiểm duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: NGỮ VĂN
KHỐI: 9**

I. PHẦN I: NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

a. Văn bản:

- Phong cách Hồ Chí Minh, Đấu tranh cho một Thế giới hoà bình, Tuyên bố Thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em,
- Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí – hồi thứ 14, Chị em Thuý Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích, Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga
- Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Bếp lửa, Đoàn thuyền đánh cá, Ánh trăng, Làng, Chiếc lược ngà, Lặng lẽ Sa Pa
- Yêu cầu: học thuộc thơ, tóm tắt truyện, nắm được hoàn cảnh ra đời, thể loại, đặc sắc nội dung và nghệ thuật, các luận điểm trong văn bản nghị luận...

b. Tiếng Việt:

- Các phương châm hội thoại
- Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp
- Các đơn vị kiến thức học ở lớp 6,7,8

Yêu cầu: nắm được đặc điểm các đơn vị kiến thức và vận dụng vào viết đoạn văn

c. Tập làm văn: viết đoạn văn NLVH, NLXH

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Dạng 1. Câu hỏi đọc - hiểu:

- a, Tên văn bản- thể loại, chép thuộc, nêu phương thức biểu đạt,....
- b. Xác định kiến thức tiếng Việt và tác dụng của việc sử dụng yếu tố đó

Dạng 2. Tóm tắt văn bản truyện

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

- a. Hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung
- b. Hình ảnh những chiếc xe không kính
- c. Khổ 4 bài “Bếp lửa”
- d. Khổ 5 bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”
- e. Tình yêu làng của ông Hai
- g. Vẻ đẹp của anh thanh niên
- e. Bé Thu khi chia tay ông Sáu

Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

- a. Suy nghĩ của em về tính khiêm tốn
- b. Suy nghĩ về vai trò của sự kiên trì, nghị lực
- c. Suy nghĩ về giá trị của lời xin lỗi

II. PHẦN II: GỢI Ý MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOẠ

1. Dạng 1: Đọc hiểu

Bài tập 1: Cho câu thơ “Ruộng nương anh gửi bạn thân cày”

Câu 1. Các câu thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Của ai?

Câu 2. Từ “mặc kệ” trong câu thơ “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” có nghĩa là gì? Qua đó em hiểu gì về những người lính?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Câu 4. Nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!” ?

Câu 5. Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

Bài tập 2: Đọc và trả lời câu hỏi

*Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Câu 1. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản có khổ thơ trên

Câu 2. Hai câu đầu tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

Câu 3. Qua hình ảnh chiếc xe trong khổ thơ, em hình dung như thế nào về hiện thực của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở câu thơ cuối của khổ thơ? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Bài tập 3: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm (1). Chẳng lẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được (2). Ông kiểm điểm từng người trong óc (3). Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà (4). Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm cái điều nhục nhã ấy!...(5)”

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

Câu 4. Đoạn trích trên nằm trong tình huống truyện nào? Tác dụng?

Bài tập 4: Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

“Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi băng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

- Cái gì thế ?

Bác lái xe xuống to:

- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, người lái xe quay sang nhà họa sĩ nói với vợ:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn."

(Ngữ văn 9, tập I)

Câu 1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật nào? Vì sao nhân vật đó lại được giới thiệu là "cô độc nhất thế gian"?

Câu 3. Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4. Trong câu "Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.", từ "đầu" nào dùng theo nghĩa gốc và từ "đầu" nào dùng theo nghĩa chuyển?

Dạng 2. Tóm tắt văn bản

a. Chuyện người con gái Nam Xương

b. Chiếc lược ngà

c. Lặng lẽ Sa Pa

d. Làng

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

Câu 1. Viết đoạn văn ngắn theo phương pháp diễn dịch phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối khổ 2 bài "Đồng chí", trong đó có sử dụng câu bị động, câu ghép (gạch chân và chỉ rõ)

Câu 2. Viết đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu phân tích hình ảnh những chiếc xe không kính trong « Bài thơ về tiểu đội xe không kính » trong đó có sử dụng câu phủ định và trợ từ (gạch chân và chỉ rõ)

Câu 3. Viết đoạn văn T-P-H khoảng 12 câu nêu cảm nhận về tình yêu làng của ông Hai trong truyện ngắn "Làng", trong đó có sử dụng câu cảm thán, trợ từ (gạch chân và chỉ rõ).

Dạng 4. Ngữ liệu mở

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không

bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70 – 71)

Câu 1. Trong đoạn văn thứ nhất, người có tính khiêm tốn có biểu hiện như nào?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói sau: “*Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước nhỏ giữa đại dương bao la*”.

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi?* Vì sao?

Câu 5. Từ nội dung phần Đọc hiểu cùng những hiểu biết của bản thân, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ về ý kiến: “*Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời*”.

Bài 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[...]Cứ đến chủ đề về ơn nghĩa sinh thành thì ngập tràn hộp thư “Thay lời muốn nói” sẽ là những câu xin lỗi ba mẹ từ các bạn trẻ. Là những lời xin lỗi được gửi đến những bậc ba mẹ còn sống. Mà, nội dung của những lời xin lỗi cũng... nán nán nhau, kiểu như: “Con biết ba mẹ rất cực khổ vì con... Con biết con đã làm cho ba mẹ buồn rất nhiều. Con xin lỗi ba mẹ”. Xin lỗi, nhưng mình hay gọi đây là “những lời xin lỗi mang tính phong trào”, và những áy náy ray rứt này là “những áy náy ray rứt theo làn sóng”, mỗi khi có ai hay có chương trình nào gọi nhắc, thì các bạn mới sực nhớ ra. Mà khổ cái, bản thân những lời xin lỗi ấy sợ rằng khó làm người được xin lỗi vui hơn, bởi vì đâu đợi tới chính họ, ngay cả chúng mình là những người làm chương trình đây cũng đều hiểu rằng, có lẽ chỉ vài ngày sau chương trình, cùng với nhịp sống ngày càng nhanh ngày càng vội, cùng với lịch đi học, đi làm, đi giải trí sau giờ học, giờ làm..., những lời xin lỗi ấy sợ rằng sẽ sớm được vứt ra sau đầu; và những cảm giác áy náy, ăn năn ấy sẽ sớm chìm sâu, chẳng còn mấy may gặp sóng. Cho đến khi... lại được nhắc mà sực nhớ ra ở lần kế tiếp. Điều đó, đáng buồn là một sự thật ở một bộ phận không nhỏ những người trẻ, bây giờ.

(*Thương còn không hết..., ghét nhau chi*, Lê Đỗ Quỳnh Hương, Nxb Trẻ, tr.31-32)

Câu 1. Chỉ ra những nghịch lí trong những lời xin lỗi của các bạn trẻ được nêu trong đoạn trích.

Câu 2. Tác giả thể hiện tâm trạng như thế nào trước thực trạng những lời xin lỗi phong trào tràn ngập mỗi dịp làm về chủ đề ơn nghĩa sinh thành?

Câu 3. Theo anh/chị, nguyên nhân nào dẫn tới những lời xin lỗi mang tính phong trào và những áy náy ray rứt theo làn sóng trong ứng xử của một bộ phận không nhỏ những người trẻ ngày nay?

Câu 4. Theo anh/chị, điều gì quan trọng nhất trong một lời xin lỗi? Vì sao? (1.0 điểm)

Câu 5. Từ thông điệp của đoạn trích ở phần Đọc hiểu cùng hiểu biết của bản thân, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy với chủ đề: *Giá trị của lời xin lỗi đúng cách.*

Bài 3: Đọc văn bản:

Điều cô chưa nói

*Trời đã không mưa cho tới buổi chiều nay
Các em đẹp bất ngờ buổi sáng ngày bé giăng
Cái khoảnh khắc em cầm sen tạo dáng
Thướt tha áo dài điệu múa ở đằng xa*

*Sau sân trường này sẽ là những ngã ba
Các em phải đi và tự mình chọn lựa
Lắm chông gai và cũng nhiều lời hứa
Cám dỗ em, em phải biết giữ mình*

*Đời người tránh sao được những phút “chùng chình”
Ai cũng có một “bến quê” để lãng quên rồi mơ ước
Mong em bình tâm trước những điều mất được
Và bền gan đi đến cuối hành trình*

*Trái tim em thao thức một mối tình
Mối tình nói hay mối tình chưa ngỏ
Những hạnh phúc ngọt ngào hay phút giây làm lỡ
Những nỗi nhớ không lời, những cảm xúc không tên*

*Và giấc mơ theo điệu múa cháy lên
Cô ở lại, cánh chim bay đi nhé
Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ
Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em*

(“Điều cô chưa nói”- Hà Thị Hạnh, Trích Văn học và Tuổi trẻ, số 5+ 6 năm 2014, tr 64)

Câu 1: Bài thơ là lời của ai, nói với ai?

Câu 2: Vẻ đẹp của “em” trong ngày bé giăng hiện lên qua những hình ảnh nào?

Câu 3: Tác giả muốn gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ:

Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ

Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ “Sau sân trường này sẽ là những ngã ba/ Các em phải đi và tự mình chọn lựa” không? Vì sao?

Câu 5. Từ nội dung phần đọc hiểu và hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ của mình về: *Vai trò của nghị lực, sự kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống.*

BCH duyệt
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
T. P. H. A.
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BÌNH

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Thị Kim Giang

BIÊN T. P. H. A.

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023 MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI: 9

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Nêu tình hình các nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2. Trình bày sự phát triển của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 3. Bài học cho Việt Nam từ sự phát triển của các nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu?

Câu 4: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của CMKH – KT sau chiến tranh thế giới thứ 2.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. Từ năm 1952 – 1973, kinh tế Nhật đạt được sự phát triển cao, liên tục nhiều năm đạt hai con số thường được gọi là giai đoạn

- A. nhảy vọt. B. mạnh mẽ. C. thần kì. D. vượt bậc.

Câu 2. Đến năm 1968, Nhật Bản đã vươn lên trở thành

- A. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
B. cường quốc kinh tế tư bản, đứng thứ hai trong giới tư bản (sau Mĩ).
C. nước đế quốc quân phiệt với hệ thống thuộc địa rộng lớn.
D. trung tâm công nghiệp – quốc phòng duy nhất của thế giới.

Câu 3. Nguyên nhân cơ bản giúp kinh tế Tây Âu phát triển sau chiến tranh thế giới thứ 2 là

- A. nguồn viện trợ của Mỹ thông qua kế hoạch Macsan.
B. tài nguyên thiên nhiên giàu có, nhân lực lao động dồi dào.
C. tận dụng tốt cơ hội bên ngoài và áp dụng thành công khoa học kỹ thuật.
D. quá trình tập trung tư bản và tập trung lao động cao.

Câu 4. Từ năm 1945 đến 1950, dựa vào đâu để các nước tư bản Tây Âu cơ bản đạt được sự phục hồi về mọi mặt ?

- A. Hợp tác thành công với Nhật.
B. Mở rộng quan hệ với Liên Xô.
C. Viện trợ của Mĩ qua kế hoạch Macsan.
D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa đến các nước thứ 3.

Câu 5. Đến đầu thập kỉ 70, các nước Tây Âu đã trở thành

- A. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
B. khối kinh tế tư bản, đứng thứ hai thế giới
C. tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh.
D. trung tâm công nghiệp – quốc phòng lớn của thế giới.

Câu 6. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu phục hồi kinh tế nhờ vào:

- A. Kế hoạch phục hưng châu Âu B. Kế hoạch hợp tác phát triển kinh tế
C. Kế hoạch kinh tế mới D. Kế hoạch viện trợ khẩn cấp

Câu 7. Liên minh châu Âu (EU) ra đời nhằm mục đích gì?

- A. Hợp tác chính trị, văn hóa B. Hợp tác kinh tế và chính trị.

C. Hợp tác kinh tế và khoa học.

D. Hợp tác kinh tế và văn hóa.

Câu 8. Mục đích các nước Tây Âu nhận viện trợ của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Để khôi phục, phát triển kinh tế

B. Tây Âu muốn trở thành Đồng minh của Mỹ

C. Để xâm lược các quốc gia khác

D. Tây Âu muốn cạnh tranh với Liên Xô

Câu 9. Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thứ hai?

A. tác dụng của những cải cách dân chủ.

B. biết xâm nhập thị trường thế giới.

C. nhân tố con người.

D. áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

Câu 10. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học- kĩ thuật.

D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 11. Từ đầu những năm 70 trở đi, cùng với Mỹ và Tây Âu, Nhật Bản đã vươn lên trở thành một trong ba trung tâm

A. giáo dục - khoa học kĩ thuật lớn nhất thế giới.

B. kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

C. liên kết kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. công nghiệp – quốc phòng lớn của thế giới.

Câu 12. Để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế, từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc

A. khoa học kĩ thuật.

B. chính trị.

C. tài chính.

D. công nghệ.

Câu 13. Nhật Bản được mệnh danh là một “đế quốc kinh tế” là vì

A. hàng hóa Nhật Bản len lỏi, xâm nhập và cạnh tranh tốt trên thị trường thế giới.

B. Nhật Bản là cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới sau Mỹ.

C. Nhật Bản là nước có nguồn vốn viện trợ lớn nhất cho các nước bên ngoài.

D. đồng tiền Nhật Bản có giá trị lớn trên toàn thế giới.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điểm chung trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu là

A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

B. tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa.

C. chỉ liên minh chặt chẽ với Mỹ.

D. liên minh chặt chẽ với Nhật Bản.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân chung nhất cho sự phát triển kinh tế của Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Áp dụng thành công thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

B. Nhân tố con người quyết định cho sự phát triển.

C. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên dồi dào.

D. Lợi dụng tốt các yếu tố bên ngoài.

Câu 16. Trong sự phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản, nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác mà Việt Nam có thể áp dụng?

- A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành then chốt.
- B. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân.
- C. Tìm cách thâm nhập các nước, tiến hành cải cách dân chủ.
- D. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

Câu 17. Từ nguyên nhân phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản, Việt Nam cần học tập gì trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay?

- A. Đầu tư có hiệu quả cho giáo dục, khoa học - kỹ thuật.
- B. Thu hút nhân tài, hợp tác quốc tế.
- C. Mở rộng quan hệ đối ngoại, giảm chi phí quốc phòng.
- D. Tự lực, tự cường, thúc đẩy kinh tế phát triển bằng mọi giá.

Câu 18. Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật bản sau những năm 50 đến năm 2000 là:

- A. đều là trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.
- B. đều không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế.
- C. đều là siêu cường kinh tế của thế giới.
- D. đều chịu sự cạnh tranh các nước xã hội chủ nghĩa

Câu 19. Việt Nam có thể học tập được gì từ bài học phát triển kinh tế của Tây Âu?

- A. Vay mượn vốn đầu tư từ bên ngoài?
- B. Quan hệ mật thiết với Mỹ để nhận viện trợ.
- C. Tranh thủ mua nguyên liệu giá rẻ từ Châu Âu
- D. Áp dụng thành tựu khoa học vào sản xuất

Câu 20. Khối NATO còn có tên gọi khác là

- A. Khối Nam Đại Tây Dương.
- B. Khối Bắc Đại Tây Dương,
- C. Khối Đông Đại Tây Dương.
- D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương

2. Bài tập tự luận:

Câu 1: Nêu tình hình nước Mĩ những năm 20 của thế kỉ XX? Theo em những nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển của nền kinh tế Mĩ trong thập kỉ 20 của thế kỉ XX?

Câu 2: Trình bày tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai? Ý nghĩa của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh?

Câu 3: Theo em, bài học cho Việt Nam từ sự phát triển kinh tế của các nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu là gì?



TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hán Thu Huyền

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 1 đến tuần 14

2. Các câu hỏi trọng tâm :

Câu 1. Phân tích đặc điểm tự nhiên và thế mạnh kinh tế của tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc của vùng trung du và miền núi Bắc bộ?

Câu 2. Dựa vào điều kiện tự nhiên giải thích vì sao vùng trung du và miền núi Bắc bộ có diện tích và sản lượng cây chè lớn nhất cả nước?

Câu 3. Phân tích các yếu tố tự nhiên của vùng đb sông Hồng để phát triển cây lương thực?

Câu 4. Phân tích vai trò của cây vụ đông trong phát triển nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

Câu 5. Chứng minh du lịch là thế mạnh của Bắc Trung bộ?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa : TNKQ: (Ôn tập từ bài 1 đến bài 24)

Câu 1 .Sự gia tăng dân số nhanh ở nước ta đã tạo điều kiện cho việc

A.mở rộng thị trường tiêu thụ

B.khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

C.cải thiện chất lượng cuộc sống

D.phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

Câu 2.Giải quyết việc làm ở nước ta không bao gồm các giải pháp nào sau đây?

A.Thực hiện tốt chính sách về dân số để đảm bảo cân bằng giới

B.Thực hiện tốt chính sách về dân số để hạ tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên

C.Đa dạng hóa các loại hình kinh tế, đẩy mạnh đào tạo nguồn lao động

D.Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng kinh tế

Câu 3. Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm của giao thông đường bộ nước ta?

A Vận chuyển nhiều hành khách nhất

C. Còn nhiều đường hẹp và xấu

B Được đầu tư nhiều nhất

D Tập trung chủ yếu ở đồng bằng

Câu 4.Tuyến đường chạy dọc nước ta từ Lạng Sơn đến Cà Mau là

A.quốc lộ 14

B.quốc lộ 1A

C.đường Hồ Chí Minh

D.quốc lộ 5

Câu 5 .Cho bảng số liệu : Diện tích và sản lượng lúa của đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2000-2010

Năm	2000	2005	2009	2010
Diện tích(nghìn ha)	1212,6	1186,1	1155,5	1150,1
Sản lượng(nghìn tấn)	6586,6	6398,4	6796,8	6803,4

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm ở vùng đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2000-2010 là

A.tròn

B.cột chồng

C.kết hợp

D.đường

Câu 6.Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất công nghiệp ở vùng Trung du và miền núi Bắc bộ giai đoạn 200-2012(Đơn vị: Tỉ đồng)

Năm	2000	2005	2010	2012
Tiểu vùng Đông Bắc	15.257,4	43.434,3	157.954,4	210.045,5
Tiểu vùng Tây Bắc	730,6	2.083,7	8.030,7	11.386,2

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp ở 2 tiểu vùng của Trung du và miền núi Bắc bộ giai đoạn 2000-2012 là

A.tròn

B.cột nhóm

C.kết hợp

D.đường

Câu 7. Tỉnh nào sau đây thuộc tiểu vùng Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A.Lào Cai

B.Yên Bái

C.Phú Thọ

D.Hòa Bình

Câu 8. Địa hình đồi bát úp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi để phát triển ngành sản xuất nông nghiệp nào sau đây?

- A. trồng rừng sản xuất B. trồng cây công nghiệp C. thâm canh lúa nước D. trồng cây ăn quả

Câu 9. Vùng Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với những vùng nào sau đây ?

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ B. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ
C. Trung du miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 10. Thành phố nào sau đây được coi là cửa ngõ quan trọng hướng ra vịnh Bắc Bộ của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hải Phòng B. Hà Nội C. Hạ Long D. Ninh Bình

Câu 11. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Thái Bình. B. sông Hồng và sông Đà.
C. sông Hồng và sông Cầu D. sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 12. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. khí hậu có 1 mùa đông lạnh B. khoáng sản than nâu C. đất phù sa sông D. sông ngòi dày đặc

Câu 13. Vị trí địa lý vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa:

- A. phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng.
B. cầu nối giữa các vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam của đất nước.
C. thuận lợi khai thác kinh tế biển đảo.
D. phát huy thế mạnh của các cửa khẩu sang đất nước Lào.

Câu 14. Vào mùa hạ có hiện tượng gió phơn Tây Nam thổi mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là do ảnh hưởng của:

- A. Dải đồng bằng duyên hải. B. Dãy Trường Sơn Bắc. C. Dãy Hoàng Liên Sơn D. Dãy Bạch Mã.

Câu 15. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy núi

- A. Hoành Sơn B. Bạch Mã C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 16. Để hạn chế tác hại của gió Tây khô nóng, vùng Bắc Trung Bộ cần có biện pháp nào sau đây?

- A. Xây dựng các hồ chứa nước và bảo vệ rừng.
B. Bảo vệ rừng và trồng rừng phòng hộ.
C. Dự báo đề phòng thời gian hoạt động của gió tây khô nóng.
D. Trồng rừng điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 17. Điều kiện quan trọng nhất để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển cây công nghiệp , dược liệu, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là

- A. diện tích đất feralit màu mỡ B. nhân dân có kinh nghiệm trồng cây công nghiệp
C. thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn D. khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh nhất nước

Câu 18. Ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Khai khoáng, năng lượng B. Năng lượng và hóa chất
C. Khai khoáng và chế biến D. Chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng

Câu 19. Giải pháp nào sau đây không phù hợp với phát triển kinh tế bền vững vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

- A. Bảo vệ rừng B. Khai thác khoáng sản C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế D. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Câu 20. Trung du và miền núi Bắc Bộ có trữ năng thủy điện lớn là do

- A. thượng lưu có nhiều sông lớn, địa hình dốc B. nhiều sông ngòi, lượng mưa lớn
C. nhiều núi cao, mạng lưới sông dày đặc D. sông ngòi nhiều thác ghềnh, lắm phù sa

Câu 21. Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Trình độ thâm canh cao nhất nước B. Mở rộng diện tích canh tác cây lúa

C.Đất phù sa màu mỡ, khí hậu thuận lợi D.Thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 22. Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều

A.Lễ hội.

B.Làng nghề truyền thống

C.Các di tích lịch sử - văn hóa

D.Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống

Câu 23. Vụ sản xuất chính mới được hình thành ở Đồng bằng sông Hồng là

A.vụ Đông

B.vụ mùa

C.vụ hè thu

D.vụ chiêm

Câu 24.Ngành nào sau đây không nằm trong các ngành kinh tế trọng điểm của Đồng bằng sông Hồng

A.Chế biến lương thực thực phẩm

B.Sản xuất hàng tiêu dùng

C.Sản xuất vật liệu xây dựng

D.Năng lượng



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hoàng Thị Liên

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: GDCD

KHỐI: 9

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

- Hợp tác cùng phát triển
- Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc
- Năng động, sáng tạo
- Làm việc năng suất, chất lượng và hiệu quả

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là truyền thống tốt đẹp của dân tộc? Nêu 1 số truyền thống mà em biết? Nêu vai trò của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

Câu 2: Thế nào là hợp tác, nêu vai trò của hợp tác đối với cá nhân và xã hội? Em đã làm gì để thể hiện tinh thần hợp tác trong học tập và đời sống?

Câu 3: Thế nào là năng động, sáng tạo? Vì sao trong cuộc sống ,học tập ,lao động cần phải năng động ,sáng tạo?

Câu 4: Thế nào là làm việc năng suất, chất lượng hiệu quả? Nêu ý nghĩa của làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy nói về truyền thống nào?

- A. Truyền thống tôn sư trọng đạo.
- B. Truyền thống đoàn kết.
- C. Truyền thống yêu nước.
- D. Truyền thống văn hóa.

Câu 2: Câu nào dưới đây nói về tính năng động, sáng tạo?

- A. Mồm miệng đỡ chân tay.
- B. Năng nhặt chặt bị.
- C. Dễ làm, khó bỏ.
- D. Cái khó ló cái khôn.

Câu 3. Tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm được gọi là?

- A. Năng động.
- B. Chủ động.
- C. Sáng tạo.
- D. Tích cực.

Câu 4. "Hiệp hội các nước Đông Nam Á" có tên viết tắt là gì ?

- A. FAO
- B. WHO.
- C. ASEAN
- D. UNESCO.

Câu 5: Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, cả về nội dung và hình thức, trong một thời gian nhất định được gọi là?



- A. Làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả.
- B. Làm việc năng suất.
- C. Làm việc khoa học.
- D. Làm việc chất lượng.

2. Bài tập:

Bài tập 1:

Viết tên đầy đủ của các tổ chức dưới đây?

- A. ASEAN : B. FAO : C. WHO : D. UNICEF :

Bài tập 2: Cho tình huống:

An thường tâm sự với các bạn : “Nói đến truyền thống của dân tộc Việt Nam, mình có mặc cảm thế nào ấy. So với thế giới, nước mình còn lạc hậu lắm. Ngoài truyền thống đánh giặc ra, dân tộc ta có truyền thống nào đáng tự hào đâu”.

a/ Em có đồng ý với An không ? Vì sao ?

b/ Nếu là bạn của An em sẽ nói gì với An ?

Bài tập 3: Cho tình huống

-T nói : Chỉ có học sinh giỏi mới có khả năng sáng tạo , bọn mình thì làm sao mà sáng tạo được .

- K nói : Đúng đấy ,học sinh học lực trung bình chỉ cần tự giác học tập là tốt !

Hỏi :

a. Em đồng ý với 2 bạn không ? vì sao ?

b. Hãy cho biết ý kiến riêng của em về vấn đề trên ?

Bài tập 5: Cho tình huống:

Cuối học kỳ, Dũng bàn: Muốn ôn thi đỡ vất vả, mỗi người làm đáp án một môn, rồi mang đến trao đổi với nhau. Làm như vậy, khi cô giáo kiểm tra, ai cũng đủ đáp án. Nghe vậy, nhiều bạn khen đó là cách làm hay, vừa năng suất, vừa có chất lượng mà lại nhàn thân.

a/ Em có tán thành cách làm đó không? Vì sao?

b/ Nếu em là bạn của Dũng, em sẽ làm như thế nào?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

Năm học: 2022 – 2023

Môn: Anh - Khối 9

PART 1: KNOWLEDGE

1. Vocabulary: Unit 1,2,3,4,5,6

2. Grammar

- Complex sentences (adverb clauses of concession, purpose, reason, time)
- Phrasal verbs
- Comparison of adjectives and adverbs (review)

- Reported Speech
- Question words before *to*-infinitive
- Used to
- Wishes for the present, future
- Passive voice: Impersonal passive
- Suggest + V/ing/clause with *should*
- Adj + *to* V, adj + *that* clause

PART II: EXERCISES

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs

from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1. A. <u>listened</u> | B. <u>stayed</u> | C. <u>opened</u> | D. <u>wanted</u> |
| 2. A. <u>villages</u> | B. <u>tables</u> | C. <u>benches</u> | D. <u>boxes</u> |
| 3. A. <u>cultural</u> | B. <u>conduct</u> | C. <u>stuck</u> | D. <u>fabulous</u> |
| 4. A. <u>helpline</u> | B. <u>advice</u> | C. <u>decision</u> | D. <u>delighted</u> |
| 5. A. <u>preserve</u> | B. <u>relax</u> | C. <u>depress</u> | D. <u>expect</u> |

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|--------------------|---------------|---------------|-----------------|
| 6. A. visit | B. cover | C. preserve | D. borrow |
| 7. A. fantastic | B. exciting | C. conical | D. expensive |
| 8. A. village | B. dweller | C. variety | D. sculpture |
| 9. A. machine | B. workshop | C. pilgrim | D. lantern |
| 10. A. competition | B. generation | C. embroidery | D. authenticity |

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

11. The villagers are trying to learn English _____ they can communicate with foreign customers.

- | | | | |
|------------|----------------|-------------|------------|
| A. so that | B. in order to | C. although | D. despite |
|------------|----------------|-------------|------------|

12. I've been to a _____ village in Hue!

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| A. conical hat making | B. making conical hat |
| C. making conical hats | D. hat making conical |

13. We were charmed by the _____ of the local people when walking around this village.

- | | | | |
|-----------------|-------------|-----------|---------------|
| A. friendliness | B. friendly | C. friend | D. friendship |
|-----------------|-------------|-----------|---------------|

14. A DVD is _____ than a video for watching films.

- | | | | |
|---------|----------------|----------------|--------------|
| A. good | B. much better | C. more better | D. more good |
|---------|----------------|----------------|--------------|

15. A conical hat is a well-known handicraft, not only in Viet Nam, _____ all around the world.

- | | | | |
|--------|--------|-------|-------|
| A. and | B. but | C. so | D. or |
|--------|--------|-------|-------|

16. Nam wanted to know what time _____.

- | | |
|---------------------|--------------------|
| A. the movie begins | B. the movie began |
|---------------------|--------------------|

C. did the movie begin

D. does the movie begin

17. Emma is feeling so delighted _____ her fashionable new hairstyle.

A. with

B. for

C. by

D. of

18. He asked _____ it was too early to apply for the course.

A. if

B. for

C. when

D. that

19. Hundreds of thousands of _____ travel to Perfume Pagoda to pray for happiness prosperity in the coming year.

A. pilgrimages

B. pilgrims

C. passengers

D. holiday-makers

20. The students didn't know _____ to do to deal with the problem.

A. where

B. when

C. why

D. what

21. Lacquering is a unique-performed _____ in Viet Nam

A. production

B. culture

C. craft

D. habit

22. My mother is a strong person. She stays _____ even in the worst situations

A. calm

B. healthy

C. tense

D. confident

23. A great way to improve _____ skills is to keep trying new things

A. reason

B. reasoned

C. reasoning

D. reasons

24. When _____? " - In 1928.

A. penicillin was discovered

B. is penicillin discovered

C. was penicillin discovered

D. did penicillin discover

25. It _____ that the strike will end soon.

A. is expected

B. expected

C. are expected

D. expects

26. In 1990, due to the change of the economic situation, many Dong Ho cooperatives had to _____

A. close

B. close in

C. close down

D. shut

Choose the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

27. I've won an essay contest. - " _____!"

A. Congratulations!

B. It's interesting

C. Oh poor!

D. Good!

28. Mai: Would you like to join us on the trip to La Khe Silk Village?

Nga : _____

A. Sounds great.

B. For now.

C. Better things happened.

D. I don't think so.

Choose the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

29. We wish we can consult an expert on how to solve this problem.

A. can

B. an

C. to solve

D. this problem

30. When he was small, he used to cycle around West Lake at weekends.

A. was

B. used

C. cycle

D. around

31. The teacher got angrily when he saw what was happening in the classroom.

A. angrily

B. saw

C. was happening

D. the

32. They suggested to spend the summer holiday on an island in Pacific Ocean.

A. to spend

B. on

C. an island

D. Pacific Ocean

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

33. The two leaders held private talks in June to try to resolve the dispute.

A. public

B. personal

C. separate

D. single

34. My grandfather reads newspapers every day to remain mentally active after retirement.

A. healthy

B. relaxing

C. physically

D. orally

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

35. Let's wait here for her until she turns up.

- A. enter B. arrive C. visit D. return

36. She was brought up in a wealthy family. She can't understand the problems we are facing.

- A. poor B. healthy C. rich D. well-known

Read the following passage and choose the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

Traditionally, rural villages in Vietnam produced handicrafts (37)_____ they were not busy with planting or harvesting crops. Over time, many villages developed the expertise to (38)_____ specialized products and so particular villages became famous (39)_____ such things as weaving, woodwork, lacquer work and metal products.

With industrialization many villagers moved to the cities but not maintained their craft skills and networks to produce products for the city market, for example, craft villages make furniture, grow flowers or make utensils for the urban population. Other villages changed from making (40)_____ crafts to producing different products desired by an industrialized society.

37. A. where B. when C. how D. why
38. A. do B. get C. give D. make
39. A. for B. at C. in D. after
40. A. cultural B. traditional C. natural D. industrial

Read the following passage and choose the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Hanoi is a unique city where seemingly contradictory characteristics happen to exist in harmony. It is where the people embrace rich cultural legacy while thriving to modernity and affluence. It is where you can easily find thousand-year-old pagodas, colonial French-style buildings, and modern skyscrapers all located on the same street. And it is where you can find hip-hop dancers showcasing their skills with daring moves in the same park where old grandfathers are doing Taichi with a calm and relaxing demeanor.

When it comes to tourism, there are endless choices for a thrilling and satisfying excursion in Hanoi. In this city of more than one thousand year of historical continuity, you can virtually walk through time as you visit various tourist attractions and historical sites. Some of them date back to as far as the 1000s C.E., such as One Pillared Pagoda, Temple of Literature and National University. The Old Quarter is also a historical landmark as it was actually constructed many centuries ago, encompassing streets that made and sold all sorts of commodities. The sights of modernity such as high-rise buildings with shopping, dining and entertainment complexes, are, of course, visible everywhere in the city.

41. "Hanoi is a unique city where seemingly contradictory characteristics happen to exist in harmony" means _____.

- A. In Hanoi, both cultural legacy and modernity can harmoniously exist together.
B. In Hanoi, traditional values are appreciated much more than modern ones.
C. Tourists to Hanoi may have contradictory feelings.
D. In Hanoi, people tend to have contradictory beliefs.

42. Ancient pagodas and French-style buildings are examples of _____

- A. Foreign culture B. Cultural legacy

C. Derelict complexes

D. High-rise buildings

43. *How can tourists virtually walk through time in Hanoi?*

A. Going to the park

B. Dating back time

C. Enjoying entertainment facilities

D. Visiting historical buildings

44. *Which of the following illustrates the modernity of Hanoi?*

A. The popularity of commodities sold in the street

B. The sights of encompassing streets

C. The sights of visibility

D. The prevalence of high-rise buildings and entertainment complexes

45. *Which of the following statements is NOT TRUE of Hanoi?*

A. There are a wide variety of choices for tourists.

B. Taichi is still practiced by old generations.

C. Some historical buildings were built a long time ago.

D. Traditional values are forgotten.

Part B: WRITING

Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first.

46. Ba can't speak English well.

→ Ba wishes

47. I was very delighted that I passed the final exams.

→ I was very delighted

48. They will question everyone in the house tomorrow

→ Everyone.....

49. People expect that the report will suggest some major reforms.

→ It

50. We had to cancel the game because of the bad weather

→ Because the weather.....

Write meaningful sentences, using given words

51. He/ can/ decide/ whether/ accept/ job/ not.

.....

52. This weekend/ we/ going/ cinema/ in order to/ see/ latest films.

.....

53. It/ important/ revise/ lessons/ every day.

.....

54. My parents/ told/ they/ visit/ me/ that week.

.....

55. Although/ I/ practice/drive/ three months/,/ I/ fail/ test.

.....

PART III: SPEAKING

1. Talk about some benefits of traditional crafts or challenges that artisans may face.

2. Talk about advantages and disadvantages of living in a big city.

3. List some habits of teenagers in the past. Would you like to preserve them? Why?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: ÂM NHẠC – KHỐI 9

1. Ôn tập 4 bài hát:
 - Bóng dáng 1 ngôi trường
 - Nụ cười
 - Nổi vòng tay lớn
 - Lí kéo chài
2. Ôn 3 phần nhạc lí
 - Giới thiệu về quãng
 - Sơ lược về hợp âm
 - Giới thiệu về dịch giọng
3. Tập đọc nhạc:
 - TĐN số 1, 2, 3, 4



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn T. Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I – MÔN THỂ DỤC

NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN THỂ DỤC – KHỐI 9

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Chạy Ngắn

2. Ôn tập nội dung: Nhảy xa

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật và động tác hỗ trợ của Chạy Ngắn
- Thực hiện hoàn chỉnh 4 giai đoạn của nhảy xa kiểu ngồi. Đạt thành tích cao.

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN: VẬT LÝ – KHỐI: 9

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Phát biểu mối quan hệ giữa cường độ dòng điện và hiệu điện thế giữa 2 đầu dây dẫn?

Câu 2: Phát biểu và viết biểu thức định luật Ôm? Điện trở có ý nghĩa gì?

Câu 3: Hệ thống các công thức đã học của đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song?

Câu 4: Điện trở của một dây dẫn phụ thuộc các yếu tố nào và phụ thuộc như thế nào?

Viết công thức tính điện trở?

Câu 5: Có mấy loại biến trở? Kể tên? Tác dụng của biến trở trong mạch điện?

Câu 6: Trình bày về công của dòng điện?

Câu 7: Phát biểu định luật Jun Lenxo? Viết biểu thức và giải thích các đại lượng?

Câu 8: Nêu các tính chất và đặc điểm của nam châm vĩnh cửu?

Câu 9: Từ trường là gì? Làm thế nào để nhận biết từ trường?

Câu 10: Trình bày về từ phổ, đường sức từ của nam châm thẳng và ống dây khi có dòng điện chạy qua? Nêu chiều đường sức từ bên ngoài thanh nam châm? Phát biểu quy tắc nắm tay phải?

Câu 11: Sắt, thép nhiễm từ như thế nào? Nêu cấu tạo của nam châm điện? Trình bày ứng dụng của nam châm ở loa điện?

Câu 12: Trình bày về lực điện từ? Nêu quy tắc bàn tay trái?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Xét các dây dẫn được làm từ cùng một loại vật liệu, nếu chiều dài dây dẫn giảm đi 5 lần và tiết diện không đổi thì điện trở của dây dẫn thay đổi như thế nào?

- A. Điện trở của dây dẫn tăng lên 10 lần. B. Điện trở của dây dẫn giảm đi 10 lần.
C. Điện trở của dây dẫn tăng lên 5 lần. D. Điện trở của dây dẫn giảm đi 5 lần.

Câu 2: Mắc các dây dẫn vào hiệu điện thế không đổi. Trong cùng một thời gian thì nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn thay đổi như thế nào vào điện trở dây dẫn?

- A. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.
B. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp đôi.
C. Tăng gấp bốn khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.
D. Giảm đi một nửa khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp bốn.

Câu 3: Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Phần giữa của thanh B. Chỉ có từ cực Bắc
C. Cả hai từ cực D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau

Câu 4: Từ phổ là hình ảnh cụ thể về:

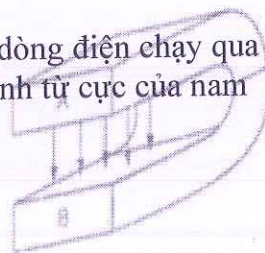
- A. các đường sức điện. B. các đường sức từ.
C. cường độ điện trường. D. cảm ứng từ.

Câu 5: Quy tắc nắm tay phải dùng để xác định chiều đường sức từ:

- A. nam châm thẳng. B. ống dây
C. dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua D. trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua

Câu 6: Quan sát chiều của đường sức từ của nam châm chữ U. Hãy xác định từ cực của nam châm và cho biết tại vị trí nào của nam châm thì có từ trường đều?

- A. Cực Bắc tại B, cực Nam tại A. Từ trường đều tại hai cực
B. Cực Bắc tại A, cực Nam tại B. Từ trường đều tại hai cực



- C. Cực Bắc tại B, cực Nam tại A. Từ trường đều ở giữa hai nhánh của nam châm
D. Cực Bắc tại A, cực Nam tại B. Từ trường đều ở giữa hai nhánh của nam châm

Câu 7: Nam châm điện là một cuộn dây dẫn:

- A. không cần lõi
B. có lõi là một thanh thép
C. có lõi là một thanh sắt non
D. có lõi là một thanh nam châm

Câu 8: Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 , R_2 mắc song song với nhau. Biết $R_1 = 10\Omega$ điện trở tương đương của mạch là $R_{td} = 5\Omega$. Thì R_2 là:

- A. $R_2 = 2\Omega$
B. $R_2 = 6\Omega$
C. $R_2 = 5\Omega$
D. $R_2 = 10\Omega$

Câu 9: Định luật Jun-Lenxơ cho biết điện năng biến đổi thành:

- A. Hoá năng.
B. Năng lượng ánh sáng.
C. Cơ năng.
D. Nhiệt năng.

Câu 10. Mắc nối tiếp hai bóng đèn lần lượt có ghi số 12V- 9W và 12V- 6W vào nguồn điện có hiệu điện thế 24V thì:

- A. Đèn thứ nhất sáng yếu hơn bình thường.
B. Đèn thứ hai sáng yếu hơn bình thường
C. Hai đèn sáng bình thường.
D. Đèn thứ nhất sáng mạnh hơn bình thường.

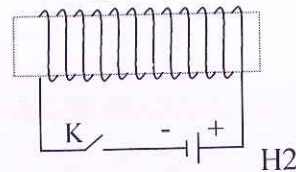
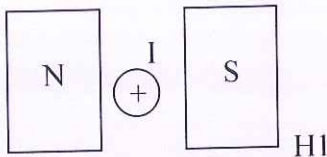
2. Bài tập tự luận

Dạng 1: Bài tập về quy tắc nắm tay phải và quy tắc bàn tay trái

1. Bài tập 1,2 trang 82/SGK

2. a, Xác định chiều của lực điện từ ở H1

b, Xác định chiều đường sức từ ở ống dây khi K đóng (H2)



Dạng 2: Bài tập về định luật Ôm, công, công suất, định luật Jun-Lenxơ

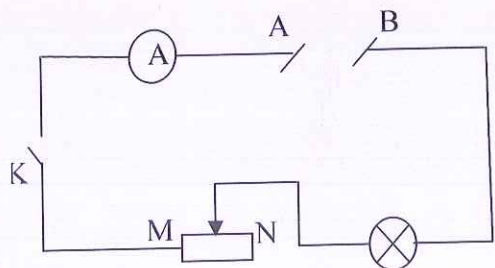
Bài 1: Một bếp điện có ghi: 220V-1500W được sử dụng ở nguồn điện 220V.

- a. Bếp được sử dụng để đun sôi 3l nước ở 15°C có $C = 4200\text{J/kg.K}$. Tính thời gian đun sôi lượng nước trên biết hiệu suất của bếp là 90%
c. Mỗi ngày bếp điện này được sử dụng 3h. Hãy tính tiền điện mà bếp phải trả trong 30 ngày. Biết 100kWh đầu có giá 1000đ, 100kWh tiếp theo có giá 2000đ.

Bài 2 : Cho mạch điện như hình vẽ:

Bóng đèn loại 15V — 5W. Khi đóng K đèn sáng bình thường. $U_{AB} = 20\text{V}$ không đổi.

- a. Tính giá trị biến trở khi đèn sáng bình thường?
b. Tính điện năng tiêu thụ toàn mạch trong thời gian 45p?
c. Khi con chạy của biến trở dịch chuyển từ trái sang phải thì độ sáng của đèn thay đổi như thế nào?



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phụng

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14
 2. Một số câu hỏi trọng tâm (Khuyến khích trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy)
- Câu 1. Nêu tính chất hóa học của oxit, axit, bazơ, muối? Viết phương trình phản ứng minh họa?
- Câu 2. Nêu tính chất hóa học, nguyên liệu và phương pháp điều chế, ứng dụng của các hợp chất vô cơ cụ thể: CaO , SO_2 , H_2SO_4 , HCl , NaOH , Ca(OH)_2 , NaCl . Viết các phương trình phản ứng minh họa?
- Câu 3. Ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại? Nêu tính chất hóa học chung của kim loại? Viết phương trình phản ứng?
- Câu 4. So sánh tính chất hóa học (giống và khác nhau) của 2 kim loại nhôm và sắt (kể bảng so sánh). Viết phương trình phản ứng minh họa?
- Câu 5. Thế nào là gang và thép? Gang và thép có ứng dụng như thế nào trong đời sống và trong công nghiệp?
- Câu 6. Thế nào là ăn mòn kim loại? Nếu các biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng I. Bài tập trắc nghiệm

Hãy khoanh tròn trước chữ cái cho phương án đúng

Câu 1. Dãy kim loại nào sau đây xếp theo khả năng hoạt động hóa học tăng dần?

A. Ag, Cu, Pb, Fe. B. K, Mg, Fe, Cu. C. K, Zn, Mg, Cu. D. Cu, Fe, Al, Pb.

Câu 2. Dung dịch CuSO_4 có thể tác dụng với dãy kim loại nào sau đây?

A. Ag, Pb, Zn. B. Al, Fe, Mg. C. Zn, Mg, Cu. D. Ag, Fe, Mg.

Câu 3. Có thể dùng chất nào sau đây để làm sạch dung dịch FeSO_4 có lẫn CuSO_4 ?

A. dung dịch NaOH B. Fe C. Al D. dung dịch HCl

Câu 4. Con dao bằng thép không bị gỉ nếu:

A. Sau khi dùng, rửa sạch, lau khô. B. Cắt chanh rồi không rửa
C. Ngâm trong nước tự nhiên lâu ngày D. Ngâm trong nước muối một thời gian

Câu 5. Trong công nghiệp, nhôm được sản xuất theo cách:

A. Dùng than chì để khử Al_2O_3 ở nhiệt độ cao.
B. Điện phân dung dịch muối nhôm.
C. Điện phân Al_2O_3 nóng chảy (điện cực criolit).
D. Dùng kim loại mạnh như Na, K... đẩy Al ra khỏi dung dịch muối nhôm.

Câu 6. Cho KOH vào dung dịch muối X thu được *kết tủa màu xanh lam*. Muối X là chất nào sau đây?

A. dung dịch FeCl_3 B. dung dịch FeCl_2 C. dung dịch CuCl_2 D. dung dịch MgCl_2

Câu 7. *Sự ăn mòn kim loại* diễn ra nhanh nhất trong môi trường :

A. chân không B. nước cất C. không khí khô D. nước có hòa tan oxi.

Câu 8. Trong thép, hàm lượng cacbon có giá trị

A. từ 2% đến 5%. B. dưới 2%. C. từ 5% đến 10% D. bằng 2%

Câu 9. Khi thả một đinh sắt sạch vào dung dịch CuSO_4 loãng, có hiện tượng sau:

- A. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, màu xanh của dung dịch đậm dần.
- B. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, dung dịch không đổi màu.
- C. Sủi bọt khí, màu xanh của dung dịch nhạt dần.
- D. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, màu xanh của dung dịch nhạt dần

Câu 10. Khối lượng kết tủa tạo ra khi cho 21,2 gam Na_2CO_3 tác dụng vừa đủ với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ là

- A. 3,94 gam B. 39,4 gam. C. 25,7 gam. D. 41,4 gam.

Câu 11. Cho 250 ml dung dịch NaOH 2M tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch H_2SO_4 1M, thu được dung dịch chỉ có muối trung hòa. Giá trị của V là:

- A. 250 ml. B. 400 ml. C. 500 ml D. 125 ml.

Câu 12: Chất nào sau đây trong khí quyển không gây ra sự ăn mòn kim loại

- A. O_2 . B. CO_2 . C. H_2O . D. N_2 .

Câu 13: Dây kim loại nào sau đây tác dụng được với nước ở nhiệt độ thường?

- A. Na, Fe, Ca, Ba B. K, Na, Ba, Ca C. K, Na, Ca, Zn D. Cu, Ag, Na, Fe

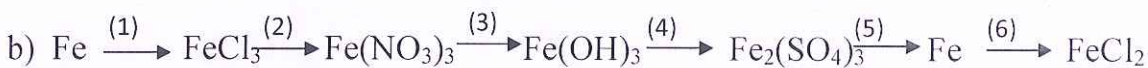
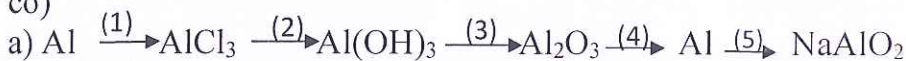
Câu 14: Tính chất hóa học chung của kim loại gồm:

- A. Tác dụng với phi kim, tác dụng với axit.
- B. Tác dụng với phi kim, tác dụng với bazơ, tác dụng với muối.
- C. Tác dụng với phi kim, tác dụng với axit, tác dụng với muối.
- D. Tác dụng với oxit bazơ, tác dụng với axit.

Câu 15: Cho hỗn hợp bột gồm: Al, Fe, Mg và Cu vào dung dịch HCl dư, sau phản ứng thu được chất rắn T không tan. Vậy T là A. Al. B. Fe. C. Mg. D. Cu.

Dạng II. Bài tập tự luận

Bài tập 1: Viết PTHH thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau (ghi rõ điều kiện, nếu có)



Bài tập 2: Nêu phương pháp hóa học nhận biết (viết các PTHH nhận biết).

a. 4 dung dịch: CuSO_4 ; AgNO_3 ; HCl; Na_2CO_3 chỉ dùng quỳ tím.

b. 5 dung dịch: BaCl_2 ; $\text{Ba}(\text{OH})_2$; HCl; H_2SO_4 ; NaCl không giới hạn thuốc thử.

Bài tập 3: Hoà tan hoàn toàn 10,8 gam hỗn hợp A gồm 2 kim loại là Magie và Sắt vào 250 ml dung dịch axit clohidric thu được 5,6 lít khí hiđro (đktc)

a. Tính % khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp A?

b. Xác định nồng độ mol của dung dịch axit đã dùng?

Bài tập 4: Giải thích vì sao?

a. không dùng đồ bằng nhôm để đựng nước vôi trong?

b. vôi sống để lâu ngoài không khí lại kém phẩm chất?



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

Tổ trưởng CM

Đỗ Minh Phương

Nhóm trưởng CM

Đỗ Thị Thanh Hương

**TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I
MÔN: SINH HỌC LỚP 9
Năm học 2022 - 2023**

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14.

2. Một số nội dung trọng tâm:

Câu 1. Quy luật phân ly độc lập, phép lai 2 cặp tính trạng.

Câu 2. Thay đổi của NST trong nguyên phân, giảm phân. Ý nghĩa, kết quả của nguyên phân, giảm phân.

Câu 3. Quá trình phát sinh giao tử đực và cái.

Câu 4. Bài tập nguyên phân, giảm phân, di truyền liên kết.

Câu 5. Cấu tạo ADN, ARN, quá trình nhân đôi ADN, tổng hợp ARN.

Câu 6. Cấu trúc, chức năng của Protein, mối quan hệ giữa gen và tính trạng.

Câu 7. Bài tập ADN

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Trong quá trình nguyên phân thoi vô sắc là nơi

A. Gắn nhiễm sắc thể

B. Hình thành màng nhân và nhân con cho các tế bào con

C. Tâm động của nhiễm sắc thể bám và trượt về các cực của tế bào

D. Xảy ra quá trình tự nhân đôi của nhiễm sắc thể

Câu 2: Ý nghĩa của quá trình nguyên phân là:

A. Duy trì sự phân bào liên tục

B. Duy trì sự ổn định của bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ tế bào.

C. Duy trì sự phân li của NST qua các thế hệ

D. Khôi phục lại bộ NST của cơ thể.

Câu 3: Tính đa dạng và đặc thù của mỗi loại ADN do yếu tố nào sau đây qui định:

A. Hàm lượng ADN trong nhân tế bào

B. Số lượng các nuclêôtit

C. Số lượng, thành phần, trật tự sắp xếp của các nucleotid trong phân tử ADN

D. Tỷ lệ $(A+T)/(G+X)$ trong phân tử ADN

Câu 4: Đơn phân cấu tạo nên ADN là:

A. Axit ribônuclêic

B. Axit đêôxiribônuclêic

C. Axit amin

D. Nuclêôtit

Câu 5: Phép lai nào sau đây cho ra duy nhất 1 kiểu hình

A. $AABb \times AABb$

B. $AaBB \times Aabb$

C. $AAbb \times aaBB$

D. $Aabb \times aabb$

Câu 6: Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: tỷ lệ kiểu hình ở F₂ là:

A. $(3:1)^n$

B. $9:3:3:1$

C. $1:2:1)^n$

D. $(1:1)^n$

Câu 7: Ở ruồi giấm, khi quan sát bộ nhiễm sắc thể người ta thấy có 4 cặp nhiễm sắc thể đang bắt chéo với nhau, tế bào quan sát đang ở kì nào?

A. Kì giữa của nguyên phân

B. Kì đầu của nguyên phân.

C. Kì giữa của giảm phân 1.

D. Kì đầu của giảm phân 1.

Câu 8: Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

- A - T - G - X - T - A - G - T - X -

Đoạn mạch đơn bổ sung với nó có trình tự là:

A. - U - T - G - X - T - U - G - T - X -

B. - T - A - G - X - A - T - G - A - X -

C. - T - A - X - G - A - T - X - A - G -

D. - A - X - T - A - G - X - T - G - T -

Câu 9 (Vận dụng): Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào của gà thực hiện nguyên phân liên tiếp 3 lần đã tạo ra bao nhiêu tế bào con và tổng số NST trong các tế bào con là bao nhiêu?

A. 8 tế bào con – 624 NST

B. 3 tế bào con – 234 NST

C. 6 tế bào con – 468 NST

D. 4 tế bào con – 312 NST

Câu 10: Có 24 noãn bào bậc I của chuột qua giảm phân bình thường, số trứng được tạo ra là bao nhiêu trong các trường hợp sau?

A. 12.

B. 48.

C. 24.

D. 6

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

Câu 1: Cho 2 thứ đậu thuần chủng hạt trơn, không có tua cuốn và hạt nhăn, có tua cuốn giao phấn với nhau được F₁ toàn hạt trơn, có tua cuốn. Cho F₁ tiếp tục giao phấn với nhau được F₂ có tỉ lệ: 1 hạt trơn, không có tua cuốn : 2 hạt trơn, có tua cuốn : 1 hạt nhăn, có tua cuốn. Kết quả này được giải thích như thế nào?

Câu 2. Các cơ thể sau giảm phân cho những loại giao tử nào?

$Aa \frac{BDe}{bde} GG$, $AaBbdd$, $\frac{BDE}{bde}$, $\frac{AB}{AB} GG$

Câu 3. Một gen có chiều dài $5100A^0$ và số nucleotit loại G chiếm 20% tổng số nu của gen. Hãy xác định:

- Số chu kì xoắn của gen.
- Số nu mỗi loại của gen.
- Tổng liên kết hidro có trong đoạn gen đó.

Câu 4. a. Giải thích:

Tại sao ở những loài giao phối (động vật có vú và người), tỉ lệ đực : cái xấp xỉ 1:1
Vì sao cặp NST XY là cặp nhiễm sắc thể không tương đồng.

b. Trình bày quá trình phát sinh giao tử đực và cái. Vẽ sơ đồ minh họa.

Câu 5. Một gen có tổng số 2700 nucleotit và trên mạch 1 của gen có tỉ lệ A: T: G: X = 1: 2: 3: 3. Hãy xác định:

- Số nucleotit mỗi loại trên mạch 1.
- Số nucleotit mỗi loại của gen.
- Tổng liên kết hidro của gen.



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/ NTCM

Đỗ Minh Phượng

Họ tên :Lớp :

A. NỘI DUNG ÔN TẬP : BÀI 1 – BÀI 5

LÝ THUYẾT:

Bài 1:

Từ vựng : sgk trang 146,147

Chữ Hán: sgk trang 126

Ngữ pháp:

1. ～は～が～です (I)

2. A: どうしてですか。

B: ～から

Bài 2:

Từ vựng : sgk trang 147,148,149

Chữ Hán: sgk trang 127

Ngữ pháp:

1. ～は～が～です。 (II)

2. A (-い) くて～です/A (-な) で～です/Nで～です。

Bài 3:

Từ vựng : sgk trang 149,150

Chữ Hán: sgk trang 128

Ngữ pháp:

1. V ないでください。

2. ～は～が～です。 (III)

Bài 4:

Từ vựng : sgk trang 150,151

Chữ Hán: sgk trang 129,130

Ngữ pháp:

1. V ることができます/Nができます。

2. やねがあかい体いくかん

Bài 5

Từ vựng : sgk trang 151,152

Chữ Hán: sgk trang 130,131

Ngữ pháp:

1. V てから、～

2. ～と言います/～と言いました。

B. BÀI TẬP Củng cố kiến thức:

PHẦN I: Đọc kĩ yêu cầu đề bài các phần và làm theo yêu cầu

Bài 1: Hoàn thành bảng từ vựng:

STT	ベトナム語	日本語
1.	Chỉ thị, hướng dẫn	
2.		おふろ
3.	Ngày lễ dành cho trẻ em 3,5,7 tuổi	
4.		いたい
5.		さいさん
6.	Mạnh	
7.		しょうじょう
8.		ぬります
9.	Hãy bảo trọng nhé	
10.		つめたい
11.	Nhà tuyết	
12.		わすれます
13.		うでたてふせ
14.		そつぎょうしき
15.	Vận chuyển	

Bài 2: Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho cách đọc hoặc cách viết bằng chữ Hán của phần được gạch chân trong các câu sau.

- ぞうは耳が大きいです。
A. みんな B. め C. み D. みみ
- おんがくを聞きます
A. ききます B. ぶんきます C. かきます D. いきます
- このくつはやすいです。
A. 安い B. 女い C. 先い D. 生い
- ナムさんはあしがはやいです。
A. 日 B. 足 C. 字 D. 子

5. 夏休みがおわりました。

- A. ふるやすみ B. なつやすみ C. あきやすみ D. はるやすみ

6. ほんを読みます。

- A. のみます B. みます C. すみます D. よみます

7. しょう

- A. 書どう B. 食どう C. 夏どう D. 春どう

8. ふゆ

- A. 春 B. 夏 C. 秋 D. 冬

9. はなします

- A. 書します B. 言します C. 話します D. 読します

10. うみでおよぎます

- A. 梅 B. 海 C. 新 D. 毎

11. もう新しいことばをおぼえました。

- A. あたらしい B. しんしい C. あたらしい D. あたしい

12. ともだちとあそびにいきます。

- A. 左だち B. 友ち C. 右だち D. 友だち

Bài 3: Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân (ứng với A hoặc B, C, D).

1. あの ひと は コックです。

- A. あのひと は うたが へたです。
B. あのひと は りょうりが じょうずです。
C. あのひと は うたが じょうずです。
D. あのひと は りょうりが へたです。

2. お風呂に入ります。それから、しゅくだいをします。

- A. お風呂に入った、しゅくだいをします。
B. お風呂に入ってから、しゅくだいをします。
C. しゅくだいをしてから、お風呂にはいります。
D. お風呂に入ってから、しゅくだいをしないでください。

3. ビンさんは すいえいが できます。

- A. ビンさんは はしることが できます。
- B. ビンさんは くるまのうんてんが できます。
- C. ビンさんは およぐことが できます。
- D. ビンさんは えいが できます。

4. はげしいうんどうを ししないでください。

- A. からいものを たべてください。
- B. くすりを のまないでください。
- C. はやく やすんでください。
- D. おふろに はいってください。

5. はが たいです。

- A. チョコレートを たべてください。
- B. あまいものを たべないでください。
- C. パンを たべてください。
- D. ごはんを たべてください。

6. わたしは かぜを ひいています。

- A. コンピュータを みてください。
- B. くすりを のんで、 はやく ねてください。
- C. めがねを かけてください。
- D. はやく ねないでください。

Bài 4: Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành các câu sau.

1. ナムさんは からだ 体 () じょうぶです。

- A. に
- C. と

- B. は
- D. へ

2. わたしは ピアノが () です。

- A. さむい
- C. あつい

- B. じょうず
- D. とくい

Q: いいえ、できません。

A. いたい

B. おもい

C. できます

D. むずかしい

12.E: つめたいものを たべてもいいですか。

F: いいえ、() ください。

A. たべた

B. たべて

C. たべないで

D. たべる

PHẦN II: Chọn phương án đúng nhất (ứng với A hoặc B, C, D)

Bài 1: Đọc đoạn hội thoại và chọn đáp án đúng:

Nam và Yuri nói chuyện với nhau:

ナム: ゆりさん、アイスクリームを たべませんか。

ゆり: すみません、いま、ちょっと はがいたい (1) 。

ナム: そうですね。だいじょうぶですか。

ゆり: はい、ナムさんは いつも はをみがいてから、あさごはんをたべますか。

(2)、あさごはんをたべてから、はをみがきますか。

ナム: わたしは はを (3) から、あさごはんをたべます。

ゆり: 前、わたしもそうしていました。(4) はいしゃさんは「かえてください」と言いました。いま、わたしは あさごはんを 食べてから、 はをみがきます。

ナム: そうですね。わたしは そうしませんでした。これから、(5)

1.

A. ですか

B. ですから

C. でした

D. でしょうか

2.

A. これから

B. それから

C. それとも

D. いま

3.

- A. みがいて B. みがいた C. みがきます D. みがく

4.

- A. そして B. これから C. でも D. どうして

5.

- A. そうしません B. そうします C. そうしました D. わかります。

Bài 2: Hãy sắp xếp lại các câu sau và chọn vị trí tương ứng với dấu

1. わたし _____ ★ _____ です。

- A. は B. が C. れきし D. とくい

2. ランさんは _____ ★ _____ できます。

- A. を B. が C. 日本りょうり D. つくること

3. _____ ★ _____ ください。

- A. に B. おふろ C. で D. 入らない^{はい}

4. _____ ★ _____ 何をしましたか。

- A. から B. して C. を D. テニス

5. ミンさん _____ ★ _____

- A. できません B. は C. えいご D. が

6. すずきさんは _____ ★ _____ です。

- A. じょうずな B. が C. ひと D. にほんご

おわり